

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN C  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/6/2021  
V/v “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Bùi Thanh Trí**

2/ Bà **Trần Ngọc Sáng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Trần Xuân L**, sinh năm 1969 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực M, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

**Bi đơn:** Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1951 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực M, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Xuân L trình bày:*

Qua tìm hiểu chúng tôi tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 25/01/2013.

Chúng tôi sống hạnh phúc được gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chồng tôi thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, chúng tôi thường xuyên cự cãi, cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho tôi vấn đề sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.
- + Về con chung: Chúng tôi không có con chung.
- + Về tài sản chung: Không có.
- + Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

*Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt khi xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông A đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Trần Xuân L và ông Nguyễn Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 13/01/2013 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà L và ông A phát sinh mâu thuẫn, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Xuân L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – Ông Nguyễn Văn A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông A chung sống năm 2013 và có đăng ký kết hôn năm 2013, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay ông A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà L, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông A thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi cho nên bà xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xác nhận bà và ông A chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Do đó, bà và ông A đã ly thân với nhau hơn 06 tháng nay.

Mặt khác, ông A đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà L và ông A đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn khai không có con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Trần Xuân L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân L về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn A

**2. Về con chung:** Nguyên đơn khai không có con chung.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

**4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Xuân L chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp, theo biên lai thu số 0008030 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà L đã nộp xong án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trung Hiến**